**TUẦN 13**

**CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH, NHIỆT ĐỘ**

**Bài 30: MI-LI-MÉT ( 2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài mi-li-mét.

- Biết đọc viết tắt đơn vị đo độ dài mi-li-mét.

- Biết được mối liên hệ hai số đo độ dài mi-li-mét và xăng-ti-mét.

- Thực hiện được phép tính cộng trừ số đo mi-li-mét.

- Biết thực hiện các phép toán gấp một số lên một số lần và giảm một số đi một số lần.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị mm

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. HS:** SGK, VBT Toán, vở toán và học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1: MI-LI-MÉT**  **Ngày dạy: 24/11/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (5 phút)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi truyền bóng  + 32 gấp 3 lần, 22 thêm 2 đơn vị ….  - GV nhận xét tuyên dương, dẫn dắt vào bài mới.  - GV ghi bảng tên bài mới.  **2. Khám phá** **(10 phút)**  - Giáo viên giới thiệu vạch chia mi- li – mét trên thước thẳng cách đọc và cách viết tắt.  - Cho HS đo vật thật  - Giới thiệu mối liên hệ mi- li – mét và xăng – ti – mét, giữa mi- li – mét và mét.  **3. Luyện tập** **( 15 phút)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Nêu số**  **-** Yêu cầu HS quan sát hình và nêu kết quả.    **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Số?**    - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  -Kêt luận: Hai đơn vị đứng liền kề nhau trong bảng đơn vị đo hơn kém nhau 10 lần (Khi đổi đơn vị đo độ dài từ đơn vị lớn sang đơn vị bé hơn liền kề thì thêm 10 lần và ngược lại).  **Bài 3. (Làm việc cá nhân) Bạn nào dài hơn**  **-** YCHS đọc đề bài toán  **-** Yêu cầu HS quan sát hình và HDHS đổi đơn vị đo và nêu kết quả.    **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **4. Vận dụng (5 phút)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh biết đổi đơn vị đo.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia trò chơi  + HS theo dõi  + Trả lời  - HS lắng nghe.  - Học sinh theo dõi.  - Đọc viết cá nhân.  - Lắng nghe.  - Nhắc lại (Cá nhân): 1cm = 10 mm, 1m = 1000 mm  - HS quan sát và nêu miệng kết quả : 2mm, 3mm  - Đọc đề bài.  - HS làm việc theo nhóm.  -Các nhóm trình bày kết quả.  10cm = 10 mm, 1m = 1000 mm  10 mm = ...cm, 1000 mm = ..cm  6cm = .. mm, 2 cm = ... mm  -Lắng nghe.  - Đọc đề bài.  - Quan sát hình, đọc lời nhân vật và nêu kết quả.  - Lắng nghe.  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Lắng nghe. |
| **TIẾT 2: MI-LI-MÉT**  **Ngày dạy: 27/11/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (5p)**  Tổ chức cho HS chơi trò chơi Đố bạn. GV nêu lại luật chơi  - Gọi một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS chơi trò chơi Đố bạn theo nhóm đôi  - 2-3 HS đố bạn về đổi đơn vị đo độ dài.  - HS nhận xét bài bạn.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: (30p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Tính**  **-** Yêu cầu HS làm bảng con.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Số?**    - HDHS giảm một số lần làm tính chia, gấp lên 1 số lần làm tính nhân( Có thể đặt câu hỏi)  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm cá nhân):** Ốc sên đi từ nhà đến trường. Bạn ấy đã đi được 152mm. Quãng đường còn lại phải đi là 264mm. Hỏi quãng đường ốc sến đi từ nhà đến trường dài bao nhiêu mi-li-mét?  -Hướng dẫn HS phân tích bài toán:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết ốc sên đi bao nhiêu mm ta phải làm phép tính gì?  - Yêu cầu HS làm vở, theo dõi hướng dẫn.  - Thu vở chấm, sửa bài. GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4:** Cào cào tập nhảy mỗi ngày. Ngày đầu tiên cào cào nhảy xa được 12mm. Một tuần sau thì cào cào nhảy xa được gấp 3 lần ngày đầu tiên. Hỏi khi đó cào cào nhảy xa được bao nhiêu mi-li-mét?  -Hướng dẫn HS phân tích bài toán:  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết cào cào nhảy xa bao nhiêu mm ta phải làm phép tính gì?  - Yêu cầu HS làm nhóm 4.  - GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS làm bảng con  -Sửa bài.  - Đọc đề bài.  - Lắng nghe, trả lời  - HS làm việc theo nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả.  16 mm gấp 5 lần được 80 mm, 68 cm giảm 4 lần còn 17 cm, 15 mm gấp 4 lần được 60 mm, 78 mm giảm 3 lần còn 26 mm.  - Lắng nghe.  - Đọc đề bài.  -Trả lời: Ốc sên đi được: 152 mm, quãng đường còn phải đi: 264 mm.  - Ốc sên đi bao nhiêu mm.  -Trả lời.  -1 HS làm bảng lớp, lớp làm vở.  -Sửa bài nếu sai.  - 1 HS Đọc đề bài.  -Trả lời.  -Trả lời  -Thảo luận nhóm 4.  - Trình bày kết quả |
| **3. Vận dụng (2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  -Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC** (Nếu có)

……………………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………………..

*~•~•~~•~•~~•~•~🟔~•~•~•~•~•~•~•~•~*

**LUYỆN TOÁN**

**ÔN LUYỆN**

**Ngày dạy: 27/11/2023**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết, cảm nhận được nóng hơn, lạnh hơn. Từ đó bước đầu làm quen biểu tượng nhiệt độ. Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ (oC) . Đọc, viết được đơn vị đo nhiệt độ (oC)

- Nhận biết và bước đầu làm quen,sử dụng được nhiệt kế đo nhiệt độ không khí và nhiệt kế đo thân nhiệt.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng. Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm. Qua hoạt động quan sát thời tiết. Đọc bản tin dự báo thời tiết, nhiệt độ không khí. Qua hoạt động theo dõi nhiệt độ cơ thể ( lúc bình thường, lúc nóng sốt ...) HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập. Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. HS:** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức hát tập thể  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia hát  - HS lắng nghe. |
| **2.** **Luyện tập, thực hành (30p)**  **\* Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 81 vào Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 81 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS làm bài  - HS trao đổi chéo vở KT bài nhau |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Viết vào chỗ chấm cho thích hợp VBT tr.81**  - Cho HS quan sát  - Yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi trên.  - GV cho HS nhận xét.  *Gv chốt cách nhận biết nhiệt độ.* | - HS quan sát.  - Học sinh trả lời nối tiếp  a) Sa Pa  b) Nha Trang  c) Sa Pa  - Học sinh nhận xét bổ sung cho bạn. |
| **\* Bài 2: Hoàn thành bảng (theo mẫu)**  - GV cho HS đọc đề bài  - HS làm bài  *-* Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *Gv chốt viết nhiệt độ.* | - HS đọc đề  - HS thực hiện làm bài  + 35 độ C  + 31 độ C  + Mười lăm độ C  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: VBT/81**  - GV cho HD đọc đề bài.  - GV HS làm bài.  - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức  *Gv chốt cách so sánh nhiệt độ cao thấp* | - 2 HS đọc bài làm của mình.  *+ 37* |
| **\* Bài 4: VBT/76**  - GV gọi 1 hs nêu  - GV cho HS nhận xét  - GV nhận xét, chốt kết quả:  *Gv củng cố viết nhiệt độ theo thứ tự từ cao đến thấp (lớn đến bé)* | - HS đọc đề bài  - HS nêu kết quả:  *+ Trưa, Chiều, Sáng sớm, Đêm.*  *-* HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng: (2p)**  **-** GV tổ chức cho HS thực hành cặp nhiệt độ cơ thể và đo nhiệt độ không khí  - Nhận xét, tuyên dương  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC** (Nếu có)

……………………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………………..

*~•~•~~•~•~~•~•~🟔~•~•~•~•~•~•~•~•~*

**CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH, NHIỆT ĐỘ**

**BÀI 31: GAM (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

[- Nhận biết được đơn v](https://blogtailieu.com/)ị đo khối lượng gam (g).

[- Biết đọc, viết tẳt đơn](https://blogtailieu.com/) vị đo khói lượng gam.

[- Nhận biét được 1 kg](https://blogtailieu.com/) = 1 000 g.

[- Vận dụng vào thực hà](https://blogtailieu.com/)nh cân các đó vật cân nặng theo đơn [vị gam (g).](https://blogtailieu.com/)

[- Thực hiện được đổi đ](https://blogtailieu.com/)ơn vị kg, g và phép tính với đơn vị ga[m (g).](https://blogtailieu.com/)

- Qua thực hành, luyện tập, HS phát triển được năng lực giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- [Qua các hoạt động q](https://blogtailieu.com/)uan sát, trải nghiệm thực hành (cân, [đong, đếm, so sánh) với](https://blogtailieu.com/) [đơn vị gam (g), vận d](https://blogtailieu.com/)ụng vào giải các bài toán thực tế liên [quan, HS được rèn luyện](https://blogtailieu.com/) phát triển năng lực lập luận toán học, năng lực giải quyết [vấn đề, năng lực giao tiếp](https://blogtailieu.com/) [toán học (diễn đạt, nó](https://blogtailieu.com/)i, viết),...

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV:** [Bộ đố dùng dạy, học T](https://blogtailieu.com/)oán 3.

**2.HS:**SGK, vở Toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **GAM**  **Ngày dạy: 28/11/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - Yêu cầu HS làm bài tập.  **Tính:**  250mm + 100mm =  420mm - 150mm =  25mm + 3mm =  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá: ( 15p)**  a.  [Đặt vấn đề (như bó](https://blogtailieu.com/)ng nói của Mai ) -> quan sát tranh ([hoặc cân thật) cân các gói](https://blogtailieu.com/) [bột ngọt (hoặc gói nào](https://blogtailieu.com/) đó) -> nêu đơn vị đo gam, cách đọc, viết tắt gam (như SGK).  - [GV giới thiệu: “Ngoài](https://blogtailieu.com/) các quả cân 1 kg, 2 kg, 5 kg, còn có [các quà cân: 1 g, 2 g, 5 g,](https://blogtailieu.com/) 10 g, 20 g, 50 g, 100 g, 200 g, 500 g”.  b.  [Đặt vấn đề (như bó](https://blogtailieu.com/)ng nói của Rô-bốt) *—>* quan sát tran[h cân thăng bằng giữa quả](https://blogtailieu.com/) [cần 1 kg và 2 túi muối](https://blogtailieu.com/) *—>* dẫn ra 1 kg = 1 000 g (400 + 600 = 1 000).  \* [Lưu ý: Sau mỗi hoạt đ](https://blogtailieu.com/)ộng ở a và b, GV có thể nêu thêm v[í dụ rồi chốt lại nội dung](https://blogtailieu.com/) [chính (như SGK đã nê](https://blogtailieu.com/)u).  **3. Luyện tập, thực hành: (30p)**  **\* Hoạt động 1: Hoạt động**  **[Bài 1:](https://blogtailieu.com/)** [Yêu cầu HS quan](https://blogtailieu.com/) sát tranh, nêu được số cân nặng của [mỗi gói đó vật tương ứng](https://blogtailieu.com/) trên cân đĩa rồi nêu (viết) số thích hợp ở ô có dấu “?” ở các [câu a, b, c, d.](https://blogtailieu.com/)  Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0305/b1_1.PNG  Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0305/b1-b.PNG  - Nhận xét, tuyên dương.  **[Bài 2:](https://blogtailieu.com/)** [Yêu cầu tương t](https://blogtailieu.com/)ự như ở bài tập 1 (chỉ khác là nêu (v[iết) sổ cân nặng theo gam](https://blogtailieu.com/) [trên cân đồng hồ).](https://blogtailieu.com/)  - GV HD học sinh làm bài tập.  Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0305/bai-2_1.PNG  c) Túi táo cân nặng hơn gói bột mì là ...?.... g.      Túi táo và gói bột mì cân nặng tất cả là ...?... g  - GV yêu cầu HS trình bày.  - Nhân xét, tuyên dương. | - HS tham gia trò chơi  - 2 HS lên bảng làm bài tập. Cả lớp làm vào phiếu BT      - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và làm bài tập theo nhóm đôi,  - HS trình bày.  a) Quả cân ở đĩa bên trái nặng 500 g nên gói đường cân nặng 500 g.  b) Gói mì chính cân nặng 100 g + 50 g = 150 g.  c) Gói hạt tiêu cân nặng 20 g + 20 g = 40 g.  d) Gói muối cân nặng 200 g + 200 g = 400 g.  - HS quan sát tranh để xác định cân nặng của túi táo và gói bột mì.    - Túi táo cân nặng hơn gói bột mì = Cân nặng của túi táo – cân nặng của gói bột mì.  - Túi táo và gói bột mì có cân nặng = Cân nặng của túi táo + cân nặng của gói bột mì  Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0305/tr-loi-bai-2-trang-88.png  c) Túi táo cân nặng hơn gói bột mì là 250 g.    Túi táo và gói bột mì cân nặng tất cả là 750 g.  - HS trình bày. |
| **\* Hoạt động 2: Luyện tập:( 15p)**  **[Bài 1:](https://blogtailieu.com/)** [GV HD HS làm bài vào phiếu bài tập.](https://blogtailieu.com/)  **[-](https://blogtailieu.com/)** [Yêu cầu HS thực](https://blogtailieu.com/) hiện phép tính với đơn vị gam (the[o mẫu viết cả tên đơn vị)](https://blogtailieu.com/)  - GV nhận xét, tuyên dương,  GV chốt:   1. [740 g - 360 g = 380](https://blogtailieu.com/) g; 2. 15 g x 4 = 60 g.   **Bài 2.** Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.  - GV hướng dẫn học sinh quan sát tranh và liên hệ với thực tế để c[ó biểu tượng, nhận biết, so](https://blogtailieu.com/) sánh số cân nặng thích hợp của mỗi con vật rồi nêu được [mỗi con gà, con chó, con](https://blogtailieu.com/) [chim, con bò cân nặng](https://blogtailieu.com/) bao nhiêu gam hoặc ki-lô-gam. .  Chọn số cân nặng thích hợp cho mỗi con vật  Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0305/b2_1.PNG  - GV quan sát, nhận xét, tuyên dương. | - HS làm bài vào phiếu bài tập.  Thực hiện tính kết quả phép tính rồi viết kí hiệu đơn vị gam sau kết quả vừa tìm được.  a) 740 g - 360 g = 380 g;  b) 15 g x 4 = 60 g.  - HS nhận xét, bổ sun  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS lắng nghe.  - Quan sát tranh rồi làm bài vào phiếu bài tập.  - HS nối mỗi con vật với cân nặng thích hợp.  Description: https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0305/tr-loi-bai-2-luyen-tap.png  - HS trình bày kết quả của nhóm mình. |
| **3. Vận dụng(2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các quan sát, trải nghiệm thực hành (cân, [đong, đếm, so sánh) với](https://blogtailieu.com/) [đơn vị gam (g), vận d](https://blogtailieu.com/)ụng vào giải các bài toán thực tế liên  - Nhận xét tiết học, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC** (Nếu có)

……………………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………………..

*~•~•~~•~•~~•~•~🟔~•~•~•~•~•~•~•~•~*

**Bài 32: MI – LI – LÍT (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được đơn vị đo dung tích mi-li-lít (ml).

- Biết đọc, viết tắt đơn vị đo dung tích mi-li-lít.

- Nhận biết được 1*l* = 1 000 ml

- Vận dụng vào thực hành đo lượng nước trong các đổ vật the[o đơn vị mi-li-lít (ml).](https://blogtailieu.com/)

- Thực hiện được đổi đơn vị đo *l* và ml và phép tính trên cá[c đơn vị đo ml.](https://blogtailieu.com/)

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2.HS:** SGK và vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **MI-LI-LÍT**  **Ngày dạy: 29/11/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (4p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính: 240 g : 8  125g-27 g  + Câu 2: Gv đưa 1 số dụng cụ đã chuẩ bị để đo dung tích và hỏi các con dự đoán dùng để làm gì , con nêu hiểu biết của mình về các đơn vị đo của nước ,mắm, dầu, xăng...?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. Hôm nay, chúng ta sẽ họcvề đơn vị đo nhở hơn lít : Mi li lít.” | - HS tham gia trò chơi  + Học sinh thực hiện vào bảng con  240g:8 =30 g  125g-27g=98g  + Nêu ý kiến theo cá nhân học sinh: để đựng và đo các đơn vị của các chất lỏng như xang dầu mắm, nước.... đơn vị thường hay dùng nhất là lít  - HS lắng nghe |
| **2. Khám phá: (10p)**  **-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết  - Cho học sinh quan sát hình vẽ và nêu hình vẽ gì? Đọc kênh chữ để biết thông tin cầm tìm hiểu    **-** GV Thực hiện đổ lượng nước từ chai vào ca có chia vạch và nêu lượng nước theo vạch chia của ca chứa, nêu tên đơn vị bài học là mi li lít:  Mi li lít là đơn vị đo dung tích,  viết tắt là ml, 1l = 1000ml  - Lấy ví dụ cách đọc viết về ml: 10 ml, 200ml...  - GV nhận xét, tuyên dương các em biết chỉ đúng và nêu đúng kết quả | - HS lần lượt thực hiện nêu hình vẽ ca đựng nước có chia vạch và đổ chai nước vào ca đo được 500ml  Hs nêu lượng nước Gv đổ vào ca chia vạch, Nêu lại nội dung vừa được học về mi-li-lít và mối quan hệ của lít và mi-li-lít.  - HS làm việc cá nhân  - Lắng nghe. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (18p)**  **\* Hoạt động 1:**  **Bài 1: Số? (Làm việc chung cả lớp).** Rót hết nước từ bình sang các ca (như hình vẽ) .  - GV mời 1 HS đọc đề bài  - GV mời 1 HS lên cùng làm.    a. Ca A có 500ml nước, ca B có ? ml nước, ca C có ? ml nước.  b. Lúc đầu lượng nước trong bình có là ?ml.  - GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 2. Điền Số? (Làm việc chung cả lớp).**  Trong phích có 1 *l* nước. Rót nước ở phích sang ba ca (như hình vẽ).  - GV mời 1 HS đọc đề bài  - GV mời 1 HS lên cùng làm.    - Trả lời câu hỏi:  a. 1 lít = ... ml  b. Sau khi rót lượng nước trong phích còn lại là ? ml  - GV Nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS lên cùng làm với GV.  ­­­­  - Cả lớp quan sát và trả lời câu hỏi:  a. Ca B có 200 ml nước, ca C có 300 ml nước.  b. Lúc đầu lượng nước trong bình có là 1000ml.  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS lên cùng làm với GV.  - Cả lớp quan sát và trả lời câu hỏi:  a. 1 l =1000ml  b. 1000ml - 200ml - 200ml - 100ml = 500ml. Sau khi rót lượng nước trong phích còn lại 500ml |
| **\* Hoạt động 2. Luyện tập.**  **Bài 1: Tính theo mẫu (làm việc cá nhân):**  GV HD thực hiện mẫu:  100ml + 20ml = 120 ml  8ml x 4 = 32ml,  GV yêu cầu học sinh làm bảng và viết vở  a. 120ml -20 ml  b. 12ml x 3  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét kết quả | - HS đọc đề bài.  + Thực hiện vào bảng con rồi ghi lại vào vở  120ml = 20ml = 100 ml  12ml x 3 = 36 ml  + Học sinh nhận xét bài của bạn khi làm bảng con, đổi vở soát sau khi làm vở. |
| **Bài 2. (Làm việc cá nhân)**  Một chai dầu ăn có 750ml dầu .Sau khi mẹ đã dùng để nấu ăn thì trong chai còn lại 350ml dầu. Hỏi mẹ đã dùng bao nhiêu mililít dầu để nấu ăn?  - Gv Chấm 1 số vở, nhận xét đánh giá  - GV Nhận xét, tuyên dương. | - Học sinh đọc yêu cầu đề bài tóm tắt và làm vở, 1 em làm phiếu nhóm, lớp nhận xét bổ sung:  + Tóm tắt  Chai có 750 ml  Đã dùng 350ml  Còn lại? ml  Bài giải  Lượng dầu đã dùng để nấu ăn là:  Hay đã nấu ăn hết số dầu là:  750-350= 400ml  Đáp số : 400ml |
| **4. Vận dụng(3p)**  **-** Chuẩn bị bài sau: luyện tập.  - Nhận xét, tuyên dương | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC** (Nếu có)

……………………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………………..

*~•~•~~•~•~~•~•~🟔~•~•~•~•~•~•~•~•~*

**Bài 33: NHIỆT ĐỘ. ĐƠN VỊ ĐO NHIỆT ĐỘ (1 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết, cảm nhận được nóng hơn, lạnh hơn. Từ đó bước đầu làm quen biểu tượng nhiệt độ. Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ (oC) . Đọc, viết được đơn vị đo nhiệt độ (oC)

- Nhận biết và bước đầu làm quen,sử dụng được nhiệt kế đo nhiệt độ không khí và nhiệt kế đo thân nhiệt.

- Qua hoạt động quan sát thời tiết. Đọc bản tin dự báo thời tiết, nhiệt độ không khí. Qua hoạt động theo dõi nhiệt độ cơ thể ( lúc bình thường, lúc nóng sốt ...) HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng. Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập. Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. HS:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **NHIỆT ĐỘ. ĐƠN VỊ ĐO NHIỆT ĐỘ**  **Ngày dạy: 30/11/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(3p)**  - GV tổ chức hát tập thể  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia hát  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá: (30p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  **-** GV cho HS và nêu yêu cầu bài1.  - Cho HS quan sát bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Buổi | Sáng | Trưa | Đêm | | Nhiệt độ | 27oC | 36oC | 15oC |   -Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  + Từng buổi trong ngày là bao nhiêu độ?  + Thấp nhất là bao nhiêu độ, cao nhất à bao nhiêu độ?  - GV nhận xét và chốt đáp án đúng.  **Bài 2: ( Làm việc nhóm )**  - GV cho các nhóm nêu yêu cấu bài 3 và thảo luận  - Cho nhóm thảo luận thống nhất kết quả và báo cáo trước lớp.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: ( Làm việc cả lớp)**  - GV gọi HS nêu hoạt động ở nhà  - Giao nhiệm vụ cho các em thực hiện ý a và b của bài | - HS đọc yêu cầu trong sách HS  - HS trả lời  - HS nhận xét bổ sung cho nhau  - Đại diện các nhóm đọc yêu cầu bài 3  - HS làm việc theo nhóm và báo cáo kết quả:  + Nếu nhiệt độ cơ thể của người bình thường là 37oC thì  38oC, 39oC là nhiệt độ cao hơn nhiệt độ cơ thể người bình thường  -HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng (2p)**  **-** GV tổ chức cho HS thực hành cặp nhiệt độ cơ thể và đo nhiệt độ không khí  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC** (Nếu có)

……………………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………………..

*~•~•~~•~•~~•~•~🟔~•~•~•~•~•~•~•~•~*

**Bài 34: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ MI – LI – MÉT, GAM, MI – LI – LIT, ĐỘ C (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết phân tích, so sánh các độ dài ước lượng vào thự tế.

- Qua các hoạt động ước lượng, thống kê, so sánh các đơn vị đo độ dài, nhiệt độ và dung tích

- Biết phân tích, so sánh các độ dài ước lượng vào thự tế.

- Qua các hoạt động ước lượng, thống kê, so sánh các đơn vị đo độ dài, nhiệt độ và dung tích HS được phát triển năng lực quan sát, tư duy toán học, năng lực liên hệ giải quyết vấn để thực tế.

- Qua các bài tập vận dụng, HS phát triển năng lực sử dụng công cụ đo.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. HS:** SGK và vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ MI – LI – MÉT, GAM, MI – LI – LIT, ĐỘ C**  **Ngày dạy: 01/12/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (5p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  \*Trò chơi: Hò Dô Ta  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thể lệ và cách chơi:  - Nội dung: Hò theo quản trò và làm động tác chèo thuyền.  - Hướng dẫn: HS  - Lưu ý: Thay lời ca của câu hò cho vui như: “Đường xa thì mặc đường xa, nhưng đường xa quá thì ta đi tầu hoặc bài khó quá thì ta hỏi thầy cô”  - Gọi hs xung phong chơi.  - Giáo viên và học sinh dưới lớp cổ vũ các nhóm chơi.  - GV tổng kết trò chơi và dẫn dắt vào bài mới.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - Nghe giáo viên phổ biến luật chơi.  - HS xung phong chơi.  - HS chơi  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  -Ghi vở. |
| **2. Luyện tập, thực hành: (27p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  **-** Yêu cầu HS đo và nêu kết quả.    **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2)**  - HDHS ước lượng đồ vật trong thực tế để chọn cho phù hợp.  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3. (Làm việc cá nhân)**  **-** Yêu cầu HS quan sát hình và nêu kết quả.    **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. (Làm việc cá nhân)**  **-** Cho HS quan sát video dự báo thời tiết thứ 2, thứ 3, thứ 4, sau đó phát phiếu yêu cầu HS điền số vào phiếu.  - HDHS chưa đạt.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  **-** GV nhận xét, tuyên dương. | - Đọc đề bài..  - HS quan sát, dùng thước thẳng đo và nêu miệng kết quả : đồng xu 19 mm, ...  -Lắng nghe.  - Đọc đề bài.  - Quan sát hình, ước lượng nối cho phù hợp  -Thảo luận nhóm 2.  - Các nhóm trình bày kết quả.  -Lắng nghe.  - Đọc đề bài.  Quan sát hình, đọc lời nhân vật và nêu kết quả: 100g + 200g + 200g + 500 g = 1000 g = 1kg.  - Lắng nghe.  - Đọc đề bài.  - Quan sát.  - Các nhóm trình bày kết quả.  - Lắng nghe. |
| **3. Vận dụng. (3p)**  - Hôm nay, chúng ta học bài gì?  - GV cho HS củng cố bài.  - Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS.  - Chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **TIẾT 2: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ MI – LI – MÉT, GAM, MI – LI – LIT, ĐỘ C**  **Ngày dạy: 04/12/2023** | |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:***(3p)*  - GV tổ chức cho HS hát tập thể.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS hát  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:* **(29p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  **-** Yêu cầu HS quan sát tranh và đọc số đo ở các nhiệt kế.    Tranh số 2 em thấy bạn em thấy Việt đang thấy nong hay lạnh? Các bức tranh còn lại tiến hành tương tự.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2)**  - HDHS ước lượng đồ vật trong thực tế để chọn cho phù hợp.    -GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3. (Làm việc cá nhân)**  **-** Yêu cầu HS quan sát hình và nêu kết quả.    **-** GV nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát đọc .  -Lắng nghe, trả lời.  - HS nêu số đo ở từng nhiệt kế phù hợp với mỗi bức tranh.  - Lắng nghe.  -Đọc đề bài.  -Quan sát hình, ước lượng nối cho phù hợp  -Thảo luận nhóm 2.  -Các nhóm trình bày kết quả.  -Lắng nghe.  -Đọc đề bài.  -Quan sát, trả lời.  -Lắng nghe. |
| **3. Vận dụng. ( 3p)**  - Hôm nay, chúng ta học bài gì?  - GV cho HS quan sát bảng đo thời tiết có sẵn, yêu cầu HS thi đọc đúng nhiệt độ.  - Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS.  - Chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS trả lởi  - HS nêu thi đua đọc  -HS lắng nghe  -Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC** (Nếu có)

……………………………………………………………………………………………………

….………………………………………………………………………………………………..